

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2022.
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Đạt, ông Y Mung Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15A/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐ-HPT ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1954 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Mai Anh T, sinh năm 1952 – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Mai Anh T đã tự nguyện yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ năm 1976, bà C và ông T không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập bà C. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, bà C và ông T đã sống ly thân nhau hơn 10 năm nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định cuộc sống, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn ông Mai Anh T.

Về con chung: Bà C và ông T có 04 con chung là Mai Tấn B, sinh năm 1978; Mai Thị Thu H, sinh năm 1983, Mai Thị Kim H, sinh năm 1986 và Mai Ngọc V, sinh năm 1990. Các con chung của bà C và ông T đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Mai Anh T trình bày:

Ông T và bà C tổ chức lễ cưới hỏi vào tháng 4/1977 tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Từ khi cưới cho đến nay, gia đình ông T bà C hạnh phúc bình thường. Ông T bà C có 04 người con đều đã trưởng thành. Ông T mong muốn Tòa án hòa giải cho ông T và bà C được đoàn tụ.

Do ông Mai Anh T vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho bà C, ông T được.

Tại phiên tòa bà Trần Thị C vẫn yêu cầu được ly hôn ông Mai Anh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị C được miễn án phí hôn nhân gia đình do thuộc trường hợp người cao tuổi (trên 60 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Anh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị C và ông Mai Anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, tuy không có đăng ký kết hôn nhưng bà C và ông T có tổ chức lễ cưới hỏi và chung sống với nhau từ năm 1977 cho đến nay (quan hệ hôn nhân thực tế). Theo bà C trình bày vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập bà C. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, bà C và ông T đã sống ly thân nhau hơn 10 năm nay. Để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định cuộc sống, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn ông Mai Anh T. Theo ông T trình bày, sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc ông T mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng với bà C. Tuy nhiên, trong các buổi hòa giải ngày 04/7/2022 và 28/7/2022, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho bà C và ông T nhưng ông T vắng mặt tại tất cả các buổi hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì được biết ông Mai Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú ổn định tại địa phương. Về quan hệ hôn nhân thì ông T, bà C có mâu thuẫn vợ chồng với nhau, bà C có báo cho ban thôn. Tuy nhiên, ban thôn không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì vì ông T, bà C không báo cụ thể và cũng không yêu cầu ban thôn hòa giải. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C, ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà C được ly hôn ông T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà C và ông Mai Anh T có 04 con chung là Mai Tấn B, sinh năm 1978; Mai Thị Thu H, sinh năm 1983, Mai Thị Kim H, sinh năm 1986 và Mai Ngọc V, sinh năm 1990. Các con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà C không yêu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do bà C thuộc trường hợp được miễn án phí (người cao tuổi trên 60 tuổi) nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C. Bà C được ly hôn với ông Mai Anh T.

Về con chung: Bà C và ông T có 04 con chung là Mai Tấn B, sinh năm 1978; Mai Thị Thu H, sinh năm 1983, Mai Thị Kim H, sinh năm 1986 và Mai Ngọc V, sinh năm 1990. Các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Trần Thị C.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- THADS huyện Krông Búk;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái